

Bản án số: 198/2022/HSPT

Ngày 29/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung và bà Đinh Thị Tuyết;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký;

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2022 tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 197/2022/HSPT ngày 04/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2022/QĐXXPT-HS ngày 18/8/2022 đối với các bị cáo có kháng cáo sau đây:

1. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/01/1977 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện E tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn 03, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: mua bán hoa lan; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông: Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1955 và con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958. Hiện trú tại: Khối 7, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có vợ là Đặng Thị T2, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007; con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 21/7/2021 cho gia đình bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lô Thanh H (B), sinh ngày 07/8/1985 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 119 N, tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lô Văn S, sinh năm 1961 và con bà: Hồ Thị Xuân H1, sinh năm 1959. Hiện trú tại: Thôn 07, N 720, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Mai Thị Ái T, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 02 con con lớn nhất sinh năm 2003; con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/01/2020 bị UBND TT E ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 04/4/2020 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 21/7/2021 cho gia đình bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Huỳnh Thế P – Văn phòng luật sư THT (Đoàn luật sư Đắc Lắc). Có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Thị Thu L, sinh ngày 20/11/1997 tại tỉnh Đắc Lắc.

Nơi cư trú: Buôn M, xã H, huyện C, tỉnh Đắc Lắc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hoàng Minh C, sinh năm 1963 và con bà: Phạm Thị B, sinh năm 1974. Hiện trú tại: Buôn M, xã H, huyện C, tỉnh Đắc Lắc. Bị cáo có chồng là Bùi Minh T4, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 21/7/2021 cho gia đình bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Thế A, sinh ngày 01/01/1986 tại TP Hải Phòng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 262 N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: 117/13 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phạm Thế D, sinh năm 1951 và con bà: Trần Thị V, sinh năm 1953. Hiện trú tại: 262 N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Bị cáo có vợ là H R Niê, sinh năm 2001 và 01 con sinh năm 2020.

Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 19/5/2021, Nguyễn Thanh T, Lô Thanh H, Trịnh Châu C, Lê Mạnh T5 tham gia ăn uống tại quán L trên đường B, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc. Lúc này, T và H nảy sinh ý định mua ma túy về để đãi khách hàng của mình (T hành nghề mua bán hoa lan) nên H gọi điện cho người có tài khoản facebook Lê Hùng C (không rõ nhân thân lai lịch) để mua ma túy nhưng không được.

Một lúc sau, T gọi điện thoại cho Phạm Thế A hỏi mua 10 viên ma túy dạng thuốc lắc và nửa hộp 05 ma túy khay. Lúc này, Thế A gọi điện thoại cho Lê Mạnh C để nhờ mua ma túy thì C đồng ý. Cường gọi điện thoại cho Hoàng Thị Thu L hỏi mua giúp ma túy thì L đồng ý. L gọi điện thoại cho Phan Thị Hồng N nhờ N hỏi Trần Nam T6 mua ma túy. Sau đó, L gọi điện thoại cho T6 để mua ma túy nhưng T6 nói chỉ còn 8 viên ma túy thuốc lắc và nửa hộp 5 ma túy khay, với giá là 6.300.000 đồng. T6 gửi số tài khoản Ngân hàng mang tên Phạm Thị H2 để trả tiền bán ma túy. L nói cho C biết, rồi nhắn số tài khoản của Phạm Thị H2 cho C. C nói lại cho Thế A thì Thế A cho C biết đã báo giá tiền mua ma túy với T là 11.800.000 đồng; đồng thời yêu cầu T chuyển tiền mua ma túy đến tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Minh T7.

Theo đó, T đã chuyển cho T7 số tiền 12.000.000 đồng. T7 nhận được tiền thì chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho Thế A. Thế A chuyển tiền đến tài khoản của Phạm Thị H2 số tiền 6.300.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T6 mang ma túy đến địa chỉ số 48 P, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc giao cho L. Lúc

này, L đang ở dưới huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nên L đã nhờ N nhận ma túy giúp. Khi C đến nhà Thế A tại địa chỉ số 117/13 A, phường T, thành phố B lấy ma túy, Thế A nói T7 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi cùng C đến địa chỉ số 48 P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận ma túy.

Tại đây, N mang ma túy giao cho C, C và T7 đi về nhà Thế A, khi đến nơi C đưa ma túy cho T7 rồi đi về. Thế A, T7 đón xe dịch vụ (không xác định biển số) đi đến khách sạn M, địa chỉ: 81 N, phường T, thành phố B giao ma túy cho T. Tại khách sạn, T nói H xuống sảnh nhận ma túy từ T7. Khi đưa ma túy lên phòng, H bỏ ma túy ra cho mọi người sử dụng thì T thấy ma túy khay ít nên T đã gọi điện thoại với Thế A mua thêm nửa hộp năm ma túy khay, rồi thuê giúp loa đèn, gọi giúp 05 bạn nữ đến tham gia sử dụng ma túy, thì Thế A đồng ý.

Thế A gọi điện cho C, C gọi nhờ L. Sau khi liên hệ với T6 thì giữa L, C, Thế A trao đổi số điện thoại của T6 để Thế A trực tiếp liên hệ mua nửa hộp năm ma túy khay của Trần Nam T6 với số tiền là 3.500.000 đồng. Sau đó, L gọi điện cho N nhờ thuê loa đèn và gọi các bạn nữ. N gọi điện cho anh Hồ Quang H thuê loa đèn và yêu cầu giao đến địa chỉ số 39 Hoàng Thế T8, thành phố B với giá 700.000 đồng. N tiếp tục gọi điện rủ Nguyễn Thị Á H3, Hà Ngọc D1 tham gia sử dụng ma túy, thì H3, D1 đồng ý. L báo giá cho C, Thế A tiền thuê loa đèn là 1.200.000 đồng, tiền công các bạn nữ 2.000.000 đồng/người, Thế A báo giá cho T tổng số tiền mua ma túy, thuê loa đèn, trả công cho các bạn nữ là 28.000.000 đồng. Trong đó, tiền công của các bạn nữ là 4.000.000 đồng/người; tiền thuê loa đèn là 4.000.000 đồng; tiền mua ma túy lần thứ hai là 4.000.000 đồng. T đồng ý tiếp tục chuyển đến tài khoản của T7 số tiền trên, T7 nhận tiền thì chuyển khoản lại cho Thế A, Thế A chuyển đến tài khoản Ngân hàng của Lê Mạnh C 15.500.000 đồng để C trả tiền công các bạn nữ, thuê loa đèn thông qua tài khoản của Phạm Thị Á H3 11.200.000 đồng; tiền mua ma túy lần thứ hai là 3.500.000 đồng đến số tài khoản của Phạm Thị H2.

Sau khi T6 nhận được tiền mua ma túy đã hẹn gặp Thế A tại khu vực Bến xe để giao ma túy. T7, Thế A nhận ma túy cất giấu ven đường. Thế A gọi điện nhờ L cầm gói ma túy mua lần 02 đến khách sạn M giao cho T thì L nói Thế A đưa ma túy đến địa chỉ số 39 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhờ N nhận giúp.

Lúc này, người giao loa đèn đến nên N giấu ma túy vào túi xách chứa loa đèn. L, N mang theo túi xách chứa loa đèn, ma túy cùng D1, H đi đến khách sạn M. Khi nhóm L đến khách sạn T xuống đón lên phòng 619 của khách sạn M. T gọi Thế A đến sử dụng ma túy nhưng do phòng số 619 nhỏ nên tất cả cùng đi xuống phòng 503 do T thuê. Khi đổi phòng H mang theo ma túy, L mượn đĩa sứ bỏ ma túy ra, rồi dùng thẻ nhựa của Thế A xào ma túy khay cho mọi người sử dụng. Tại phòng 503, Thế A sử dụng ma túy xong đi về trước, còn T, H, L, N, T5, Trịnh Châu C, D1, H tiếp tục sử dụng ma túy đến khoảng 5 giờ ngày 20/5/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, thu giữ: 03 viên nén màu đen, 01 nylon bên trong chứa chất bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì M1; 01 nylon bên trong chứa chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì M2; 01 đĩa sứ; 01 thẻ nhựa

và 01 bộ loa nghe nhạc.

Sau khi bán ma túy cho T xong Lê Mạnh C, Phạm Thế A, Nguyễn Minh T7 xác định tổng số tiền thu lợi bất chính trong vụ việc trên, cụ thể như sau: Lần mua ma túy thứ nhất dư được số tiền 5.700.000 đồng; lần mua ma túy thứ hai tiền dư 13.300.000 đồng, gồm: Tiền mua ma túy, thuê loa đèn, tiền công gọi các bạn nữ lên sử dụng ma túy. Trong đó, Thế A chuyển khoản trả lại cho T số tiền 4.000.000 đồng do T yêu cầu gọi và thanh toán tiền cho 05 bạn nữ, C được chia 6.000.000 đồng cộng với 800.000 đồng còn dư trong số tiền 15.500.000 đồng mà Thế A đã chuyển trước đó, C thu lợi bất chính số tiền 6.800.000 đồng. Số tiền này C trả nợ cho một người nam giới tên T8 (không rõ nhân thân, lai lịch) 1.500.000 đồng, còn lại thì tiêu xài cá nhân hết. T7 được thỏa thuận chia 3.000.000 đồng nhưng Thế A chưa đưa cho Thắng, 5.200.000 đồng còn lại là tiền thu lợi bất chính của Thế A, nhưng Thế A chưa chuyển tiền trả cho T và T7 nên Thế A còn giữ 12.200.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 575/GĐMT-PC09 ngày 28/5/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

Phong bì M1: 03 viên nén màu đen được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,5488 gam, loại Methamphetamine và chất bột màu trắng chứa trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,5186 gam, loại Ketamine.

Phòng bì M2: Chất bột màu trắng chứa trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3892 gam, loại Ketamine.

Kết luận giám định pháp y về tâm thần số 85/KLGD ngày 25/4/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận Lô Thanh H bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2022/HSST ngày 27/6/2022 của TAND TP Buôn Ma Thuột đã quyết định: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 08 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, q, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lô Thanh H 07 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Hoàng Thị Thu L 07 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thế A 07 năm 03 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. 07 năm 06 tháng tù về tội “*mua bán trái phép chất ma túy*”. Hình phạt chung cho cả 02 tội là 14 năm 9 tháng năm tù.

Ngoài ra bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lô Thanh H, Hoàng Thị Thu L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm Thế A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng bị cáo không phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa giữ nguyên các lời khai tại cấp sơ thẩm và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bào chữa cho bị cáo Lô Thanh H cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo tương ứng với vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội đã gây ra, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tội danh:

Vào ngày 19 và ngày 20/5/2021, do bị cáo Nguyễn Thanh T nhờ, các bị cáo đã làm trung gian mua ma túy của Trần Nam T6 sau đó bán lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T để bị cáo Nguyễn Thanh T tổ chức cho Hoàng Thị Thu L, Phan Thị Hồng N, Lê Mạnh C, Phạm Thế A, Lê Mạnh T5, Trịnh Châu C1, Nguyễn Thị Á H3, Hà Ngọc D1 sử dụng ma túy tại phòng 503 khách sạn M (số 81 N, phường T, thành phố B), bị Công an TP B phát hiện bắt quả tang.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong vụ án này, đối tượng Trần Nam T6 sinh năm 1996 có dấu hiệu cầm đầu, đồng phạm với các bị cáo nhóm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” có hộ khẩu và nơi ở, chung sống với vợ là Phạm Thị H2 tại Buôn E, xã E, TP B, từng là nhân viên, quản lý vũ trường M. Các bị cáo Hoàng Thị Thu L, Phan Thị Hồng N, một số đối tượng liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Á H3, Hà Ngọc D1 đã tiến hành nhận dạng đầy đủ đối tượng Trần Nam T6. Đối tượng này sử dụng số điện thoại 0941861357, tài khoản ngân hàng của vợ là Phạm Thị H2 để giao dịch mua bán ma túy, từng có tiền án 4 năm 6 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” mới chấp hành án xong. Như vậy nhân thân, lí lịch, hồ sơ, hành vi phạm tội của đối tượng Trần Nam T6 đã có đầy đủ nhưng cơ quan điều tra tại cấp sơ thẩm không tiến hành khởi tố bị can, truy nã bị can theo quy định tại Điều 179, Điều 231 Bộ luật tố tụng hình sự. Ngày 16/12/2021 cơ quan điều tra lại căn cứ điểm a khoản 1 Điều 229 Bộ luật tố tụng hình sự để ra Quyết định số 2051 tách vụ án hình sự và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với đối tượng Trần Nam T6 là không đúng quy định nói trên của pháp luật vì đối tượng của hai Quyết định này chỉ được thực hiện sau khi đã khởi tố bị can, không phải là thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Như vậy tại

cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với đối tượng Trần Nam T6 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra, đối với bị cáo Phạm Thế A: là người do bị cáo Nguyễn Thành T nhờ mua ma túy, không trực tiếp biết nguồn hàng ma túy, cùng vai trò là trung gian, phải gọi điện, hỏi tìm giúp nguồn ma túy từ các bị cáo khác, vai trò, vị trí đều là trung gian như các bị cáo Hoàng Thị Thu L, Phan Thị Hồng N nhưng lại bị xử lý về hai tội, trong khi các bị cáo này chỉ bị xử lý về một tội. Việc xử lý như vậy là không đảm bảo công bằng về mặt định tội danh giữa các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Việc các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm chấp nhận trả lại vật chứng của vụ án cho người nhà các bị cáo Nguyễn Thanh T, Hoàng Thị Thu L 02 chiếc điện thoại Iphone là công cụ, phương tiện khi các bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội không có căn cứ pháp luật. Cơ quan điều tra chỉ dựa vào lời khai của người nhà các bị cáo này để xác định 02 chiếc điện thoại Iphone là tài sản của người nhà các bị cáo để trả lại là không có căn cứ pháp luật vì đây là các tài sản không có đăng ký quyền sở hữu cụ thể. Đây là công cụ, phương tiện khi các bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội, bị bắt quả tang cùng với tang vật này, là những tài sản có giá trị, cần tịch thu, sung công quỹ nhà nước.

Như vậy, khi có căn cứ để khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác; có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can, VKSND TP Buôn Ma Thuột không trả hồ sơ để cơ quan điều tra tiến hành điều tra bổ sung là vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 245 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 về phối hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung. TAND TP Buôn Ma Thuột không trả hồ sơ để điều tra bổ sung là vi phạm quy định điểm b, c khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 về phối hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Do những sai sót nêu trên ở cấp sơ thẩm mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển về cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lô Thanh H, Hoàng Thị Thu L và Phạm Thế A.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 170/2022/HSST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột;

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lô Thanh H, Hoàng Thị Thu L, Phạm Thế A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- Những người TGT;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Phương